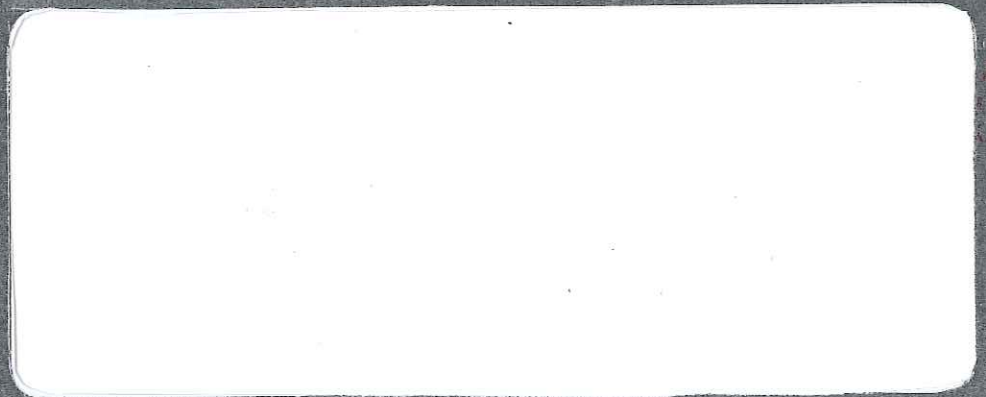




**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K**  
**THANG LONG T.D.K AUDITING AND VALUATION CO.,LTD**

**BẢN SẴO**

**ĐÃ THU LỆ PHÍ**



**CHI NHÁNH MIỀN NAM:** C14, Quang Trung, P. 11, Q. Gò Vấp, TPHCM  
**Tel:** 08 - 3589 7462 - 3589 7463 - 2216 4309      **Fax:** 08-35897464  
**Email:** [kiemtoantdk@gmail.com](mailto:kiemtoantdk@gmail.com)      -      [thanglongtdks@gmail.com](mailto:thanglongtdks@gmail.com)  
**Web:** [www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn](http://www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn)



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH  
VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**

(Trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hậu Giang)

**MST: 1 8 0 0 5 4 5 5 2 6**

## MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
3.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
	- Báo cáo tình hình tài chính	5
	- Báo cáo kết quả hoạt động	6
	- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
	- Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 12

# TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Áp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Trung tâm cho năm tài chính 2018 kết thúc ngày 31/12/2018.

### 1- Khái quát về Trung tâm

Trung Tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Hậu Giang (sau đây gọi tắt là "Trung tâm") là Đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang, được thành lập theo Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 10/02/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Hậu Giang.

Theo Quyết định số 273/QĐ-SNNPTNT ngày 31/05/2016 của Giám Đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Hậu Giang, nhiệm vụ của Trung tâm bao gồm:

- Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm, các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.
- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để ứng dụng các công nghệ mới trong lĩnh vực xử lý nước sạch phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt cho người dân nông thôn.
- Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản của Trung tâm theo quy định. Thực hiện chế độ tiền lương, bảo hiểm, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật và cử viên chức, nhân viên lao động đi đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ.
- Tham gia thực hiện, quản lý và sử dụng vốn đầu tư các chương trình, dự án cung cấp Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn do tỉnh bố trí và các tổ chức Quốc tế viện trợ. Đồng thời tổ chức tiếp nhận quản lý vật tư, thiết bị và vốn được phân bổ theo các chương trình, dự án đúng quy định.
- Thực hiện công tác thông tin báo cáo, định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các đơn vị khác có liên quan.
- Ngoài việc thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án Nhà nước giao, Trung tâm được thực hiện công tác: công, lắp đặt đường ống phụ tải, nhánh rẽ, đồng hồ nước cho các hộ dân và các tổ chức sử dụng nước; thi công các công trình cấp nước và công trình vệ sinh nông thôn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, trên cơ sở tận dụng nguồn nhân lực tại Trung tâm hoặc phối hợp với đơn vị ngoài nhưng đảm bảo không ảnh hưởng đến nhiệm vụ được Nhà nước giao.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan cấp trên.

Trụ sở chính của Trung tâm: Áp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang.

### 2- Thông tin về tài khoản ngân hàng, kho bạc:

- |                     |               |  |
|---------------------|---------------|--|
| - Tài khoản VND số: | 7000201008186 | Tại ngân hàng Agribank chi nhánh Hậu Giang |
| - Tài khoản VND số: | 7000201008192 | Tại ngân hàng Agribank chi nhánh Hậu Giang |
| - Tài khoản VND số: | 7000201008423 | Tại ngân hàng Agribank chi nhánh Hậu Giang |
| - Tài khoản VND số: | 7000201005585 | Tại ngân hàng Agribank chi nhánh Hậu Giang |

### 3- Các sự kiện trong năm tài chính, các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính:

Công văn số 2589/UBND-KT ngày 28/10/2019 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Hậu Giang về việc hạch toán hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh, tiếp tục cho Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn hạch toán hoạt động sản xuất kinh doanh theo giá tiêu thụ nước sạch được quy định tại Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2013 và Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Hậu Giang chưa bao gồm chi phí khấu hao và chỉ ghi nhận hao mòn tài sản cố định các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đến ngày 31/12/2019.

CHI MIẾ  
HỒNG  
T. T.  
THÂN  
KẾ T. T.



# TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN

Áp 2, Thị trấn Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang

## 4- Ban Giám đốc tại ngày lập Báo cáo tài chính:

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng bao gồm:

- |                        |                    |
|------------------------|--------------------|
| - Ông: Nguyễn Văn Lòng | Giám đốc trung tâm |
| - Ông: Lê Kỳ Hội       | Phó Giám đốc       |
| - Ông: Lý Hạnh Phúc    | Kế toán trưởng     |

## 5- Kết quả hoạt động trong năm 2018 (Đơn vị tính : VND)

- Tổng thu nhập	:	28.529.981.786
- Tổng chi phí	:	26.574.222.456
- Thặng dư/(thâm hụt) trước thuế	:	1.955.759.330
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	:	192.135.063
- Thặng dư/(thâm hụt) sau thuế	:	1.763.624.267

## 6- Kiểm toán viên

Chi nhánh miền Nam Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán được lựa chọn và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Trung tâm trong những năm tiếp theo.

## 7- Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trung tâm trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Trung tâm khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Trung tâm tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Trung tâm với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Trung tâm và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng ngoài các sự kiện phát sinh sau năm tài chính nêu trên, không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Trung tâm cho năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt Ban Giám Đốc

Giám Đốc

TRUNG TÂM  
NƯỚC SẠCH  
VÀ VỆ SINH  
MÔI TRƯỜNG  
NÔNG THÔN

NGUYỄN VĂN LÒNG

Ngày 25 tháng 11 năm 2019

CHỨNG THỰC  
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH  
Số chứng thực 201... quyền số 01... (1)-SCT/BS  
Ngày 24... tháng 02... năm 2020  
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG V



Lê Văn Út





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K CHI NHÁNH MIỀN NAM

THANG LONG - T.D.K AUDITING & VALUATION CO.,LTD (SOUTHERN BRANCH)

Office: C14. Quang Trung, P.11, Q. Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84.28) 3589 7462/ 63 - (84.28) 2216 4309

Fax: (84.28) 3589 7464

Email: kiemtoantdk@gmail.com

Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com.vn

Số: 21218/TK-KT

Ngày 25 tháng 11 năm 2019

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2018 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn  
là đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang

*Kính gửi: Ban Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn*

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn (sau đây gọi tắt là Trung tâm) được trình bày từ trang 5 đến trang 12, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trung tâm chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Trung tâm theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trung tâm có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trung tâm liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trung tâm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Trụ sở chính : Sân KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa,  
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Tel: 024.4450 0668 Fax: 024.4450 0669

Chi nhánh Miền Nam : C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Tel: 028.3589 7462 Fax: 028.35897464

Chi nhánh Đồng Nai : E180 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai

Tel: 0251.3918 769 Fax: 0251.3918.767

Chi nhánh Đà Nẵng : Số 42 Trần Tống, Phường Thạch Gián, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Tel: 0236.365.1818 Fax: 236 365 1869

Chi nhánh Hà Nội : Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Tel: 024.3540.9439 Fax: 024.3540 9439

Chi nhánh Lạng Sơn : Số 319. Bà Triệu, Phường Vinh Trai, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn

Tel: 0205.3718 545 Fax: 0205.3716 264





### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Năm 2018, Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang phê duyệt tiếp tục sử dụng giá tiêu thụ nước sạch được quy định tại Quyết định số 2046/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2013 và Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 9 năm 2018 của UBND tỉnh Hậu Giang chưa bao gồm chi phí khấu hao và chỉ ghi nhận hao mòn tài sản cố định các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đến ngày 31/12/2019 theo Công văn số 2589/UBND-KT của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc hạch toán hoạt động sản xuất kinh doanh của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh, ban hành ngày 28/10/2019.

Việc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Hậu Giang vận dụng Công văn số 2589/UBND-KT nêu trên và không tính giá trị khấu hao của tài sản cố định vào giá thành của sản phẩm nước theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp", Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/05/2013 của Bộ Tài chính "Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung" và Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc "phê duyệt thời gian và tỷ lệ khấu hao công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và giao công trình cho Trung tâm quản lý" làm cho khoản mục "Giá vốn hàng bán" giảm đi với số tiền ước tính là 24.908.003.664 VND đồng thời giá trị khoản mục "Thặng dư/thâm hụt" (chỉ tiêu 22 trên Báo cáo kết quả hoạt động) tăng lên một khoản tương ứng.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn tỉnh Hậu Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**NGUYỄN MINH VŨ**

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4144-2017-045-1



**NGUYỄN VÕ HƯNG THỊNH**

Phó Giám đốc Chi nhánh Miền Nam

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2826-2015-045-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm Toán & Định Giá Thăng Long - TDK





**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

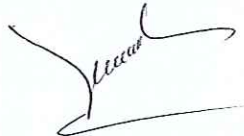
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A	B	C	D	1	2
	<b>TÀI SẢN</b>				
I	Tiền	01	III.1	384.371.820	1.316.541.939
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	05		-	-
III	Các khoản phải thu	10		4.911.868.257	2.904.570.519
1	Phải thu khách hàng	11		3.525.719.990	2.809.033.683
4	Các khoản phải thu khác	14	III.2	1.386.148.267	95.536.836
IV	Hàng tồn kho	20	III.3	948.034.630	2.154.836.006
V	Đầu tư tài chính dài hạn	25		-	-
VI	Tài sản cố định	30	III.4	150.982.633.913	134.498.208.657
1	Tài sản cố định hữu hình	31		150.982.633.913	134.498.208.657
	- Nguyên giá	32		270.193.058.242	250.807.655.077
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	33		(119.210.424.329)	(116.309.446.420)
VII	Xây dựng cơ bản dở dang	40		74.301.274.764	-
VIII	Tài sản khác	45		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>50</b>		<b>231.528.183.384</b>	<b>140.874.157.121</b>
	<b>NGUỒN VỐN</b>				
I	Nợ ngắn hạn	60		229.895.762.754	139.980.955.006
1	Phải trả nhà cung cấp	61		1.535.942.810	4.539.934.080
7	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	67	III.5	225.283.908.677	134.498.208.657
8	Nợ phải trả khác	68	III.6	3.075.911.267	942.812.269
II	Tài sản thuần	70		1.632.420.630	893.202.115
1	Nguồn vốn kinh doanh	71		-	-
2	Thặng dư/(thâm hụt) lũy kế	72		379.198.394	-
3	Các quỹ	73	III.7	629.449.589	159.517.467
4	Tài sản thuần khác	74	III.8	623.772.647	733.684.648
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>80</b>		<b>231.528.183.384</b>	<b>140.874.157.121</b>

Ngày 25 tháng 11 năm 2019

Kế Toán Trưởng



LÝ HẠNH PHÚC

Giám Đốc

NGUYỄN VĂN LÒNG



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**


Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018
A	B	C	D	1
I	<b>Hoạt động hành chính, sự nghiệp</b>			
1	Doanh thu	01	IV.1.1	183.304.696
	a. Từ NSNN cấp	02		-
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	03		-
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04		183.304.696
2	Chi phí	05	IV.1.1	148.896.000
	a. Chi phí hoạt động	06		-
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07		-
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08		148.896.000
3	Thặng dư/thâm hụt	09		34.408.696
II	<b>Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ</b>			
1	Doanh thu	10	IV.2	28.346.677.090
2	Chi phí	11	IV.2	26.425.326.456
3	Thặng dư/thâm hụt	12		1.921.350.634
III	<b>Hoạt động tài chính</b>			
1	Doanh thu	20		-
2	Chi phí	21		-
3	Thặng dư/thâm hụt	22		-
IV	<b>Hoạt động khác</b>			
1	Thu nhập khác	30		-
2	Chi phí khác	31		-
3	Thặng dư/thâm hụt	32		-
V	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	40	IV.3	192.135.063
VI	<b>Thặng dư/thâm hụt trong năm</b>	50		1.763.624.267
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51		-
2	Phân phối cho các quỹ	52	IV.4	568.157.733
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53		-

Ngày 25 tháng 11 năm 2019

Kế Toán Trưởng



LÝ HẠNH PHÚC

Giám Đốc



NGUYỄN VĂN LÒNG



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

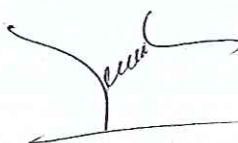
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
A	B	C	D	1	2
<b>I</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG CHÍNH</b>				
	Thặng dư/ thâm hụt trong năm	01		1.763.624.267	
	<b>Điều chỉnh các khoản không phát sinh bằng tiền</b>				
1	Khấu hao TSCĐ trong năm	02			
2	Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá	03			
3	Lãi/Lỗ từ các khoản đầu tư	04		(1.408.100)	
4	Tăng/giảm các khoản nợ phải trả	05		(870.892.272)	
5	Tăng/giảm hàng tồn kho	06		1.206.801.376	
6	Tăng/giảm các khoản phải thu	07		(1.459.337.673)	
7	Thu khác từ hoạt động chính	08		1.011.762.662	
8	Chi khác từ hoạt động chính	09		(2.584.128.479)	
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chính</i>	<b>10</b>		<b>(933.578.219)</b>	
<b>II</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21			
2	Tiền thu từ các khoản đầu tư	22		1.408.100	
3	Tiền chi XDCB, mua tài sản cố định	23			
4	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	24			
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>		<b>1.408.100</b>	
<b>III</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1	Tiền thu từ các khoản đi vay	31			
2	Tiền nhận vốn góp	32			
3	Tiền hoàn trả gốc vay	33			
4	Tiền hoàn trả vốn góp	34			
5	Cổ tức/lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35			
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>-</b>	
<b>IV</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(932.170.119)</b>	
<b>V</b>	<b>Số dư tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.316.541.939</b>	
<b>VI</b>	<b>Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá</b>	<b>70</b>			
<b>VII</b>	<b>Số dư tiền cuối kỳ</b>	<b>80</b>		<b>384.371.820</b>	

Ngày 25 tháng 11 năm 2019

Kế Toán Trưởng



LÝ HẠNH PHÚC

Giám Đốc



NGUYỄN VĂN LÔNG



# TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B04/BCTC  
(Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC  
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

## I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Đơn vị: **Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn**
- Quyết định thành lập số: 286/QĐ-UBND ngày 10/02/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang.
- Tên cơ quan cấp trên trực tiếp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang
- Thuộc đơn vị cấp 1: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Loại hình đơn vị: Đơn vị hành chính sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên
- Chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị:
  - Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hậu Giang xây dựng chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm, các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.
  - Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan để ứng dụng các công nghệ mới trong lĩnh vực xử lý nước sạch phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt cho người dân nông thôn.
  - Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính, tài sản của Trung tâm theo quy định. Thực hiện chế độ tiền lương, bảo hiểm, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật và cử viên chức, nhân viên lao động đi đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ.
  - Tham gia thực hiện, quản lý và sử dụng vốn đầu tư các chương trình, dự án cung cấp Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn do tỉnh bố trí và các tổ chức Quốc tế viện trợ. Đồng thời tổ chức tiếp nhận quản lý vật tư thiết bị và vốn được phân bổ theo các chương trình, dự án đúng quy định.
  - Thực hiện công tác thông tin báo cáo, định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các đơn vị khác có liên quan.
  - Ngoài việc thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án Nhà nước giao, Trung tâm được thực hiện công tác: Thi công, lắp đặt đường ống phụ tải, nhánh rẽ, đồng hồ nước cho các hộ dân và các tổ chức sử dụng nước; thi công các công trình cấp nước và công trình vệ sinh nông thôn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, trên cơ sở tận dụng nguồn nhân lực tại Trung tâm hoặc phối hợp với đơn vị ngoài nhưng đảm bảo không ảnh hưởng đến nhiệm vụ được Nhà nước giao.
  - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và cơ quan cấp trên.

## II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Báo cáo tài chính của đơn vị được lập theo hướng dẫn của chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính.
- Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam. Các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán trong suốt các kỳ kế toán được trình bày trên báo cáo tài chính.
- Báo cáo tài chính này là của bản thân đơn vị kế toán chưa bao gồm thông tin của các đơn vị kế toán cấp dưới trực thuộc.



**TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B04/BCTC  
 (Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC  
 ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND.

	31/12/2018	01/01/2018
<b>1. Tiền</b>		
- Tiền mặt	38.097.109	679.798.947
- Tiền gửi ngân hàng	346.274.711	636.742.992
<b>Tổng cộng tiền</b>	<b>384.371.820</b>	<b>1.316.541.939</b>
<b>2. Các khoản phải thu khác</b>		
	31/12/2018	01/01/2018
a. Tạm chi:	1.083.784.267	-
- Tạm chi thu nhập tăng thêm	1.083.784.267	-
b. Tạm ứng cho nhân viên	207.364.000	56.329.348
c. Thuế GTGT được khấu trừ:	-	4.434.776
- Đối với hàng hóa, dịch vụ	-	4.434.776
d. Chi phí trả trước	-	12.212.000
e. Phải thu khác:	95.000.000	22.560.712
- Các khoản phải thu khác	95.000.000	22.560.712
<b>Tổng các khoản phải thu khác</b>	<b>1.386.148.267</b>	<b>95.536.836</b>
<b>3. Hàng tồn kho</b>		
	31/12/2018	01/01/2018
- Nguyên liệu vật liệu	948.034.630	2.154.836.006
<b>Tổng hàng tồn kho</b>	<b>948.034.630</b>	<b>2.154.836.006</b>
<b>4. Tài sản cố định</b>		

Tài sản cố định của đơn vị được trình bày theo nguyên giá (giá gốc)

Giá trị còn lại = Nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế và khấu hao lũy kế.

Tỷ lệ trích hao mòn và khấu hao thực hiện theo Thông tư 45/2018/TT-BTC ngày 07/05/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Thông tư 54/2013/TT-BTC ngày 04/05/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và Quyết định số 1771/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phê duyệt thời gian và tỷ lệ khấu hao công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung và giao công trình cho Trung tâm quản lý

Khoản mục chi tiết	TSCĐ hữu hình	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>	270.193.058.242	-	270.193.058.242
Số dư đầu năm	250.807.655.077		250.807.655.077
Tăng trong năm	43.954.496.400		43.954.496.400
Giảm trong năm	(24.569.093.235)		(24.569.093.235)
Giá trị hao mòn, khấu hao lũy kế	119.210.424.329		119.210.424.329
Giá trị còn lại cuối năm	150.982.633.913		150.982.633.913



**TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B04/BCTC  
 (Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC  
 ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**5. Các khoản nhận trước chưa ghi thu**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a. NSNN cấp	225.283.908.677	134.498.208.657
- Giá trị còn lại của TSCĐ	225.283.908.677	134.498.208.657
b. Viện trợ, vay nợ nước ngoài	-	-
c. Phí được khấu trừ, để lại	-	-
d. Kinh phí đầu tư XD CB	-	-
<b>Tổng các khoản nhận trước chưa ghi thu</b>	<b><u>225.283.908.677</u></b>	<b><u>134.498.208.657</u></b>

**6. Nợ phải trả khác**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
a. Các khoản phải nộp theo lương	-	-
b. Các khoản phải nộp nhà nước	271.539.146	260.633.251
- Thuế GTGT phải nộp	29.423.640	-
+ Thuế GTGT đầu ra	29.423.640	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.167.110	168.077.846
- Thuế khác	39.169.480	39.252.900
- Các khoản phải nộp nhà nước khác (chi tiết)	62.778.916	53.302.505
c. Phải trả người lao động	627.895.284	682.179.018
- Phải trả công chức, viên chức	627.895.284	682.179.018
d. Các khoản thu hộ, chi hộ	-	-
đ. Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược	-	-
e. Nợ phải trả khác	2.176.476.837	-
<b>Tổng các khoản nợ phải trả khác</b>	<b><u>3.075.911.267</u></b>	<b><u>942.812.269</u></b>

**7. Các quỹ**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Quỹ khen thưởng	58.800.272	13.452.572
- Quỹ phúc lợi	(271.646.499)	12.103.560
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	842.295.816	118.098.581
- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	-	15.862.754
<b>Tổng các quỹ</b>	<b><u>629.449.589</u></b>	<b><u>159.517.467</u></b>

**8. Tài sản thuần khác**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
- Tài sản thuần khác	623.772.647	733.684.648
<b>Tổng tài sản thuần khác</b>	<b><u>623.772.647</u></b>	<b><u>733.684.648</u></b>



**TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu B04/BCTC  
(Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC  
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**9. Biến động của nguồn vốn**

Chỉ tiêu	Nguồn vốn kinh doanh	Thặng dư/ (Thâm hụt) lũy kế	Các Quỹ	Tổng cộng
Số dư đầu năm	-	-	159.517.467	159.517.467
Tăng trong năm	-	1.763.624.267	2.746.128.001	4.509.752.268
Giảm trong năm	-	(1.384.425.873)	(2.276.195.879)	(3.660.621.752)
Số dư cuối năm	-	379.198.394	629.449.589	1.008.647.983

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

**1. Hoạt động hành chính, sự nghiệp**

**1.1. Doanh thu**

	Năm 2018
a. Từ NSNN cấp:	-
b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài:	-
c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	183.304.696
- Phân bổ cho hoạt động thường xuyên	183.304.696
<b>Tổng cộng Doanh thu</b>	<b>183.304.696</b>

**1.2. Chi phí**

	Năm 2018
a. Chi phí hoạt động thường xuyên	-
b. Chi phí hoạt động không thường xuyên	-
c. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	-
d. Chi phí hoạt động thu phí	148.896.000
- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	148.896.000
<b>Tổng cộng Chi phí</b>	<b>148.896.000</b>

**2. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ**

	Năm 2018
a. Doanh thu	28.346.677.090
b. Chi phí	26.425.326.456
- Giá vốn hàng bán	-
- Chi phí quản lý	26.425.326.456
+ Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên	6.539.127.821
+ Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng	16.098.568.473
+ Chi phí hoạt động khác	3.787.630.162

**3. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Năm 2018
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	192.135.063
<b>Cộng</b>	<b>192.135.063</b>

58-C  
PHÂN  
NA  
TY T  
VÀ Đ  
GL  
Đ.K  
B.H



# TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B04/BCTC  
(Ban hành theo TT số 107/2017/TT-BTC  
ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính)

Cho niên độ kế toán 2018 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

## 4. Phân phối cho các quỹ

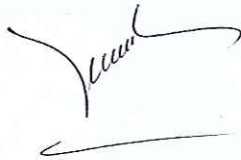
	<u>Năm 2018</u>
- Quỹ khen thưởng	305.424.700
- Quỹ phúc lợi	61.084.941
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	142.039.433
- Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	59.608.659
<b>Tổng số đã phân phối cho các quỹ trong năm</b>	<b><u>568.157.733</u></b>

## V. THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

**Thông tin thay đổi so với báo cáo tài chính kỳ trước**

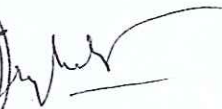
Năm tài chính 2018 kết thúc tại ngày 31/12/2018 được lập theo Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp được ban hành kèm theo thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính. Do đó cột số liệu đầu kỳ được trình bày lại để đảm bảo khả năng so sánh thông tin với năm tài chính 2017 kết thúc tại ngày 31/12/2017.

Kế Toán Trưởng



LÝ HẠNH PHÚC

Giám Đốc



NGUYỄN VĂN LÒNG





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K**  
**THANG LONG T.D.K AUDITING AND VALUATION CO.,LTD**

- \* **Trụ sở chính:**  
Sàn KT-TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT CAHN, Phường Yên Hòa,  
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- \* **Chi nhánh Miền Nam (TP.HCM)**  
C14, Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- \* **Chi nhánh Miền Trung (Đà Nẵng)**  
Số 42 Trần Tống, Phường Thạch Gián, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
- \* **Chi nhánh Miền Bắc**  
Số 6 Ngõ 92 Phố Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- \* **Chi nhánh Hà Nội**  
Số 97, Ngõ 141, Phố Giáp Nhị, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
- \* **Chi nhánh Đông Bắc**  
Số 319 Bà Triệu, Phường Vĩnh Trại, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn
- \* **Chi nhánh Đồng Nai**  
E180 Võ Thị Sáu, Phường Thống Nhất, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
- \* **VPĐD Hà Nội**  
Số 41, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
- \* **VPĐD Hà Đông**  
Khu biệt thự liền kề C22-TT7, Phường Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
- \* **VPĐD Ba Vì**  
Thôn 7, Xã Ba Trại, Huyện Ba Vì, TP. Hà Nội
- \* **VPĐD Hưng Yên**  
Số 96 Vũ Trọng Phụng, Phường Lê Lợi, TP. Hưng Yên, T. Hưng Yên
- \* **VPĐD Bắc Giang**  
Số 312 Giáp Hải, Xã Dĩnh Kế, TP. Bắc Giang, T. Bắc Giang
- \* **VPĐD Cao Bằng**  
Số 022, Tổ 5, Phường Sông Bằng, TP. Cao Bằng, T. Cao Bằng
- \* **VPĐD Thái Bình**  
Số 95 Doãn Khuê, Phường Phú Khánh, TP. Thái Bình, T. Thái Bình
- \* **VPĐD Lạng Sơn**  
Số 32 Nguyễn Tri Phương, Phường Đông Kinh, TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn
- \* **VPĐD Vĩnh Phúc**  
Số 35 Khu đô thị mới Hà Tiên, Xã Định Trung, TP. Vĩnh Yên, T. Vĩnh Phúc
- \* **VPĐD Quảng Nam**  
Số 44 Trương Chí Cương, Phường Hòa Thuận, TP. Tam Kỳ, T. Quảng Nam
- \* **VPĐD Quảng Bình**  
Số 243 Quang Trung, Phường Phú Hải, TP. Đồng Hới, T. Quảng Bình
- \* **VPĐD Hà Tĩnh**  
Số 18 Đặng Dung, Phường Nam Hà, TP. Hà Tĩnh, T. Hà Tĩnh
- \* **VPĐD Cà Mau**  
Số 43B Chung Thành Châu, Khóm 4, Phường 5, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau